Khối ngoại mua ròng trở lại

08/10/2025

Chỉ số	VNI	HNX	UPCOM
Đóng cửa	**1,697.83**	**273.34**	**110.43**
% ngày	0.74	0.17	0.17
% tuần	1.42	-0.11	0.71
% tháng	1.10	-2.78	-1.41
% năm	32.71	17.38	19.22
% từ đầu năm	33.04	19.98	15.97
GTGD (tỷ VNĐ)	**33,237**	**2,642**	**550**
% ngày	29%	6%	15%
GD NDTNN			
Mua	4,433	57	6
Bán	4,215	119	23
Ròng	218.06	-62.34	-16.24
Độ rộng thị trường			
Số mã tăng	193	71	142
Số mã giảm	122	67	146
Không đổi	98	166	595
Chỉ số chính			
Vốn hóa *(Nghìn tỷ)*	7,344	465	1,434
P/E	15.31	26.97	15.37
P/B	2.09	1.88	2.28
LS cổ tức	3.20%	3.16%	4.47%

Nguồn: FiinProX, Yuanta Việt Nam

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Thị trường phản ứng tích cực sau thông tin chính thức được nâng hạng bởi FTSE Russell nhưng áp lực chốt lời trong phên cũng mạnh lên khiến đà tăng của chỉ số bị thu hẹp. Đóng cửa, chỉ số VN-Index (0.74%), VN30-Index (0.7%), VNMID-Index (0.8%), VNSML-Index (0.34%).
- Nhóm Du lịch và Giải trí, Bán lẻ, Thép và Hóa chất là các nhóm ngành tăng điểm tác động tích cực tới chỉ số. Các cổ phiếu như VHM (4.27%), VCB (1.41%), CTG (2.52%), VNM (3.26%), MWG (3.59%), GEE (6.98%) tác động tích cực nhất tới VN-Index. Ngược lại, VIC (-1.06%), TCB (-1.03%), LPB (-1.14%), FTP (-1.05%), VGC (-2.22%) nằm trong nhóm ảnh hưởng tiêu cực nhất
- HHP (7%), GEE (6.98%), ANV (6.97%), PC (6.91%), L10 (6.84%) là các mã dẫn đầu đà tăng trên HOSE.
- NĐT NN đảo chiều mua ròng với giá trị 139 tỷ đồng tập trung tại GEX (264 tỷ), MWG (261 tỷ), HPG(180 tỷ). Ngược lại, SHB (151 tỷ), VRE (149 tỷ), MSN (132 tỷ) là top mã được rút ròng bởi khối ngoại.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

- Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục đà tăng trong phiên kế tiếp và chỉ số VN-Index có thể sẽ thử thách lại mức kháng cự 1,711 điểm (tức là mức đỉnh cũ). Đồng thời, thị trường bước vào giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực cho thấy chỉ số VN-Index có thể sẽ sớm vượt được mức kháng cự 1,711 điểm trong những phiên giao dịch tới. Ngoài ra, chỉ báo tâm lý ngắn hạn đang ở mức cân bằng cho thấy nhà đầu tư chưa quá hoàn toàn lạc quan với diễn biến thị trường hiện tại.
- Chiến lược ngắn hạn (dưới 1 tháng): Xu hướng ngắn hạn của thị trường chung vẫn duy trì ở mức TRUNG TÍNH. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức 30-50% danh mục và có thể xem xét mua mới ở nhịp điều chỉnh.
- Tham khảo tín hiệu mua/bán cổ phiếu tại: https://ysradar.yuanta.com.vn/

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Diễn biến các chỉ số chính

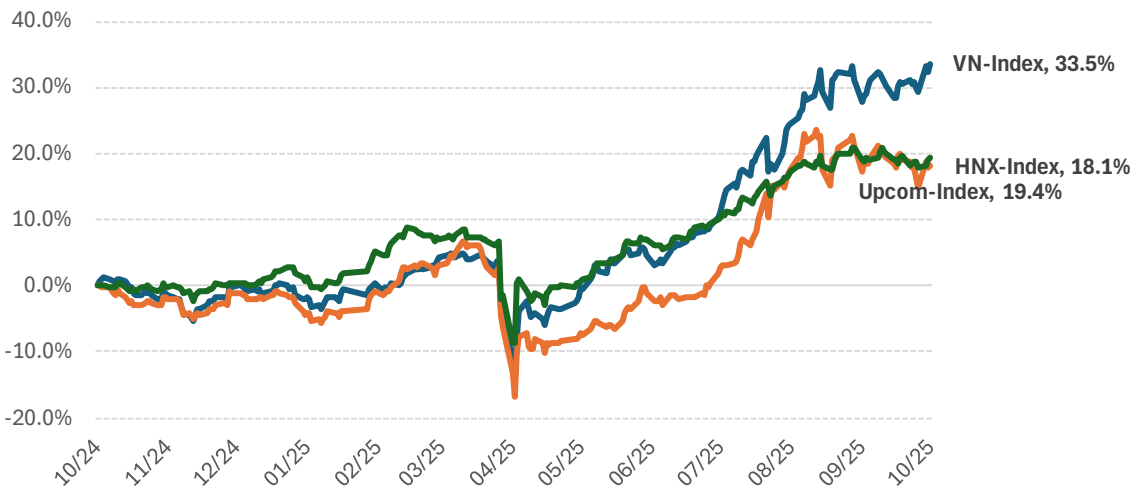

Thanh khoản thị trường trong phiên trên sàn HSX

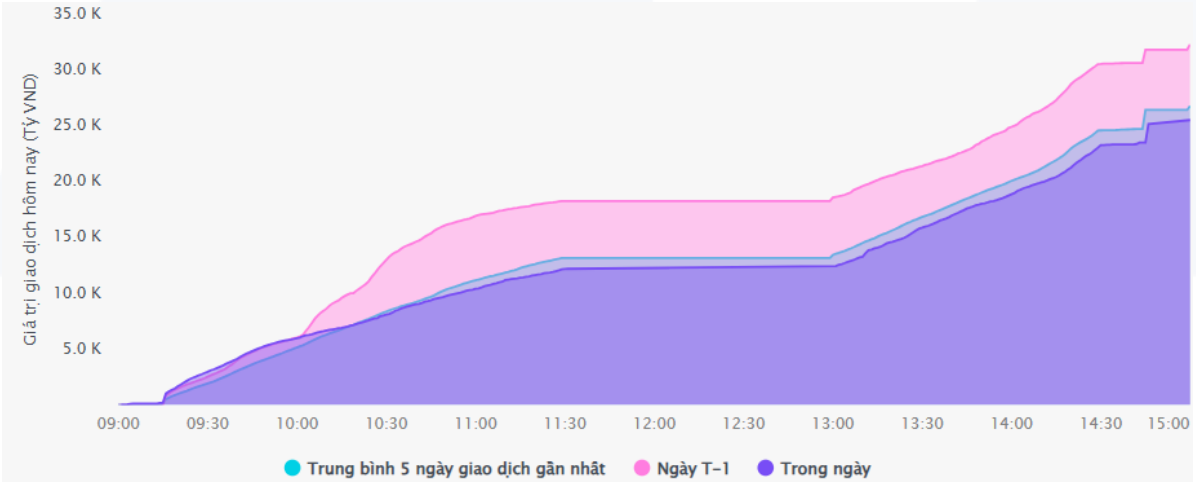

Xu hướng các chỉ số chính

	DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG							XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG					
	Đóng cửa	% ngày	% tuần	% tháng	% năm	% từ đầu năm	Vốn hóa *(Nghìn tỷ)*	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
VN-Index	**1,697.83**	0.74	1.97	4.51	33.48	34.03	7,399	TRUNG TÍNH	TĂNG	1,700	1,720	1,500	1,300
HNX-Index	**273.34**	0.17	0.04	0.65	18.06	20.19	466	TRUNG TÍNH	TĂNG	260	306	244	189
Upcom-Index	**110.43**	0.17	0.58	0.28	19.45	16.17	1,435	TRUNG TÍNH	TĂNG	108	116	90	80
VN30-Index	**1,922.95**	0.70	2.80	6.40	43.61	43.00	5,209	TRUNG TÍNH	TĂNG	1,890	1,910	1,500	1,320
VNMidcaps	**2,474.36**	0.80	-0.09	0.21	28.99	30.18	1,269	TĂNG	TĂNG	2,560	2,580	2,000	1,500
VNSmallcaps	**1,584.68**	0.34	-0.32	-0.14	12.57	9.21	303	TĂNG	TĂNG	1,660	1,750	1,490	1,300

Nguồn: FiinProX, Yuanta Việt Nam

TÂM LÝ THỊ TRƯỜNG

Chỉ báo tâm lý thị trường

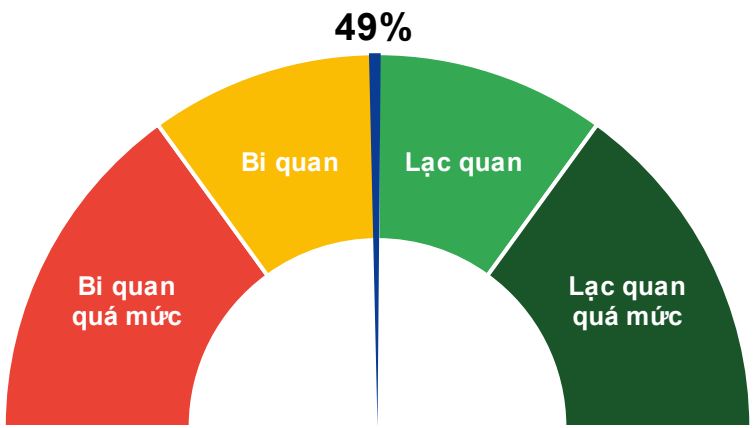

Độ rộng thị trường

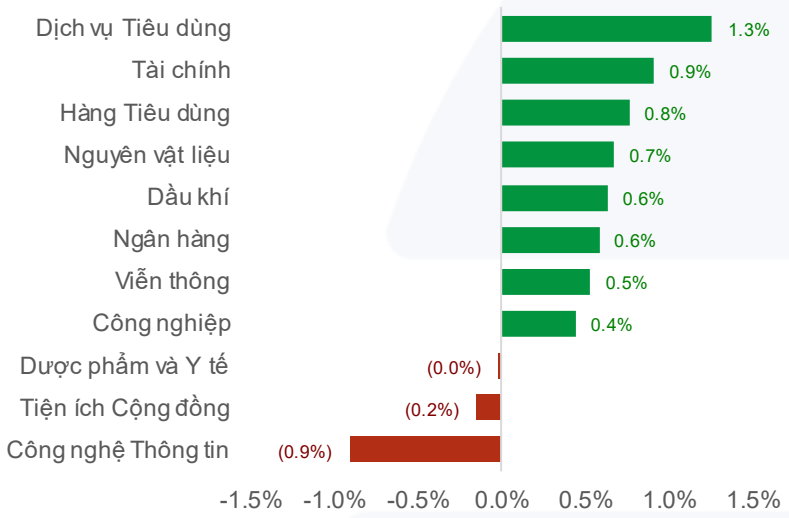

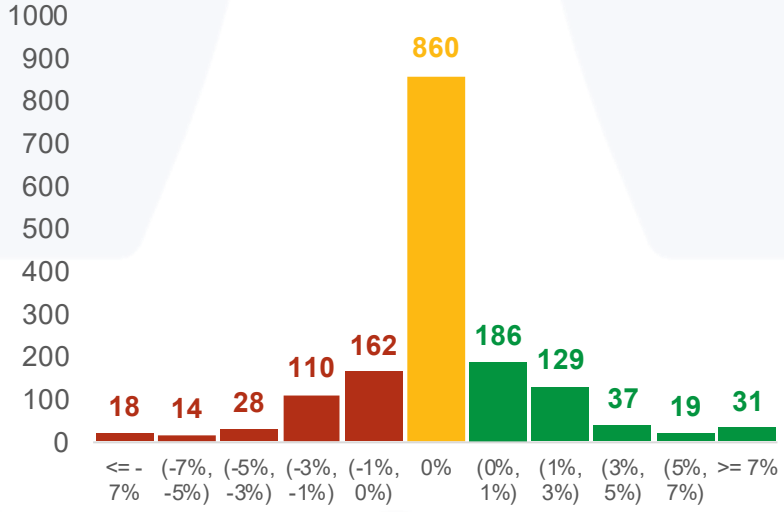

Phân bổ dòng tiền

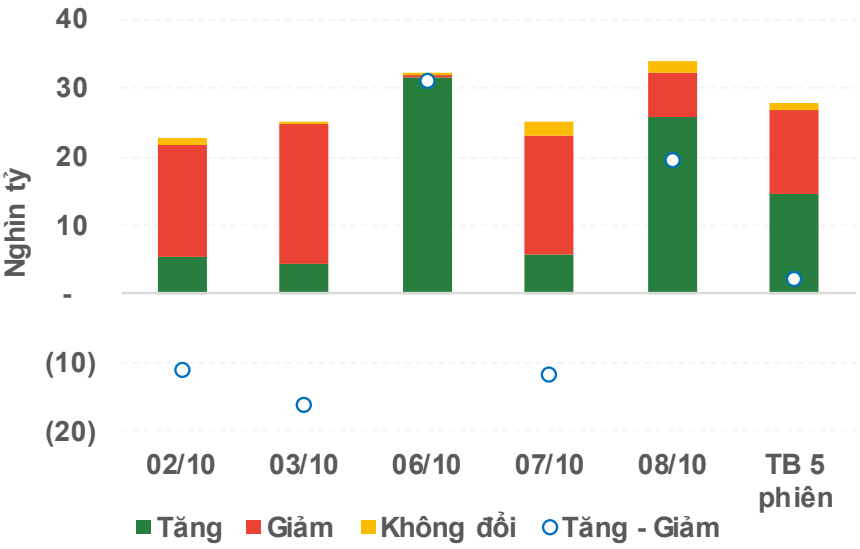

Diễn biến chỉ báo tâm lý thị trường

Nguồn: FiinProX, Yuanta Việt Nam

NGÀNH VÀ CỔ PHIẾU DẪN DẮT TRONG PHIÊN

Top 10 cổ phiếu đóng lớn nhất vào đà tăng/ giảm chỉ số

	VHM	VCB	CTG	VNM	MWG	GEE	VRE	STB	BID	VSC	VIB	VGC	FPT	LPB	TCB	VIC
Đóng góp	4.32	1.74	1.64	0.99	0.98	0.74	0.70	0.62	(0.08)	(0.09)	(0.12)	(0.12)	(0.39)	(0.41)	(0.65)	(1.68)
%	4.27	1.41	2.52	3.26	3.59	6.98	3.71	2.39	(0.12)	(3.76)	(0.74)	(2.22)	(1.05)	(1.14)	(1.03)	(1.06)

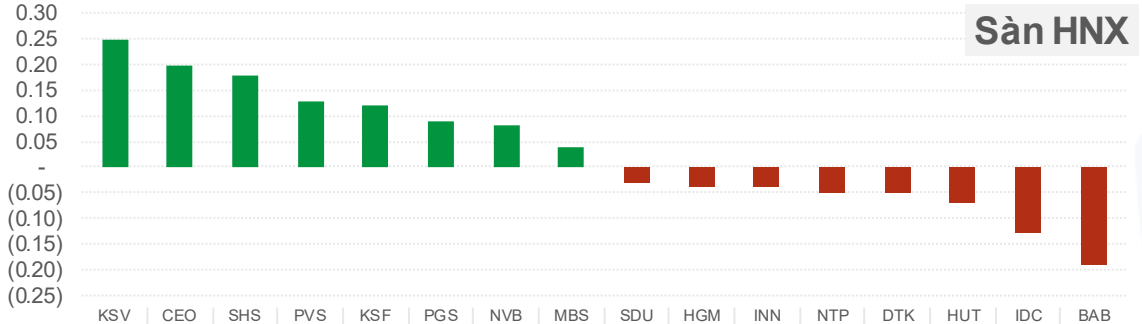

	KSV	CEO	SHS	PVS	KSF	PGS	NVB	MBS	SDU	HGM	INN	NTP	DTK	HUT	IDC	BAB
Đóng góp	0.25	0.20	0.18	0.13	0.12	0.09	0.08	0.04	(0.03)	(0.04)	(0.04)	(0.05)	(0.05)	(0.07)	(0.13)	(0.19)
%	1.24	2.05	1.14	1.25	0.66	5.68	0.68	0.29	(9.87)	(1.56)	(8.13)	(0.63)	(0.81)	(0.59)	(1.31)	(2.17)

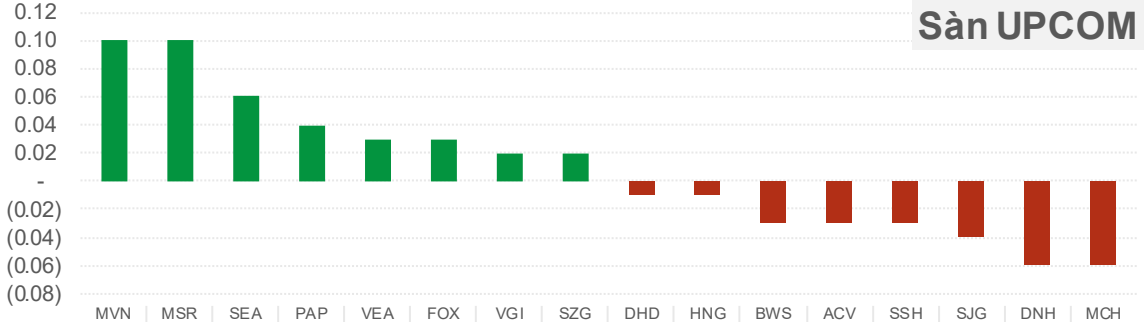

	MVN	MSR	SEA	PAP	VEA	FOX	VGI	SZG	DHD	HNG	BWS	ACV	SSH	SJG	DNH	MCH
Đóng góp	0.10	0.10	0.06	0.04	0.03	0.03	0.02	0.02	(0.01)	(0.01)	(0.03)	(0.03)	(0.03)	(0.04)	(0.06)	(0.06)
%	2.12	4.68	2.08	9.05	0.76	0.78	0.15	4.79	(8.57)	(1.59)	(10.90)	(0.18)	(1.37)	(5.61)	(0.04)	(0.01)

Top 10 ngành đóng góp lớn nhất vào đà tăng/giảm của VN-Index

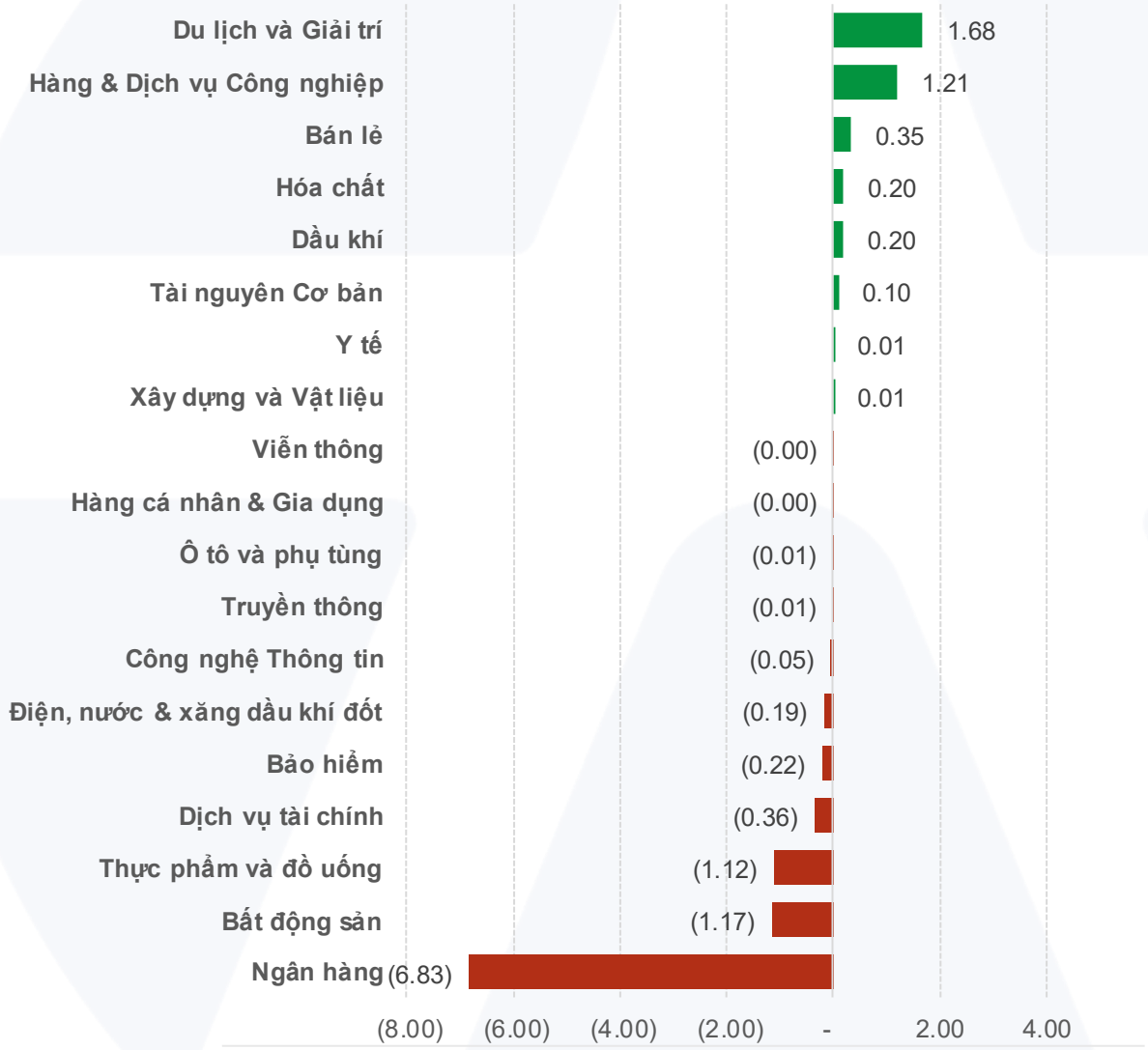

Nguồn: Bloomberg, Yuanta Việt Nam

THỐNG KÊ DIỄN BIẾN NHÓM NGÀNH

Biến động các nhóm ngành

Nhóm ngành	% ngày	% tháng	% năm	% từ đầu năm	PE	PB	Vốn hoá *(Tỷ đồng)*
Bán lẻ	0.69	2.25	19.74	22.20	23.21	3.56	171.99
Bảo hiểm	-1.16	-3.16	35.27	14.60	14.58	1.51	84.16
Bất động sản	0.04	13.70	126.56	125.43	22.99	2.46	1,865.17
Công nghệ Thông tin	-0.08	-7.06	-13.89	-24.67	18.51	3.80	182.68
Dầu khí	-1.85	-5.09	1.10	11.56	32.55	1.35	171.33
Dịch vụ tài chính	-0.52	-1.42	51.85	63.83	25.45	2.19	433.56
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.44	-2.50	8.14	9.99	13.83	1.68	439.41
Du lịch và Giải trí	2.21	5.83	65.36	41.51	21.03	5.59	361.24
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.05	-9.23	0.90	-14.96	16.28	2.54	615.50
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.19	-1.80	3.13	-2.55	10.49	1.36	80.52
Hóa chất	-0.74	-6.51	-5.36	-1.22	16.01	1.71	240.46
Ngân hàng	-1.02	-2.00	37.74	37.05	11.19	1.79	2,843.30
Ô tô và phụ tùng	-0.90	-25.10	-15.37	-14.03	8.25	1.53	39.99
Tài nguyên Cơ bản	-0.41	-0.05	47.78	39.36	20.68	1.62	365.19
Thực phẩm và đồ uống	0.04	0.39	10.60	3.00	18.34	2.75	716.51
Truyền thông	-0.33	-1.54	16.27	13.98	66.75	2.22	20.51
Viễn thông	0.07	-7.76	11.62	-18.85	28.60	5.33	257.52
Xây dựng và Vật liệu	-0.34	-5.00	2.58	-3.78	11.69	1.57	289.38
Y tế	0.05	2.19	18.63	13.30	16.54	1.62	64.59

Thanh khoản giữa các nhóm ngành

Nhóm ngành	% ngày	GTGD	TB 1 tuần	TB 1 tháng
Du lịch và Giải trí	2.2%	572	442	441
Bán lẻ	0.7%	837	751	920
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.4%	243	246	385
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.2%	104	123	167
Viễn thông	0.1%	15	13	26
Y tế	0.1%	66	57	82
Bất động sản	0.0%	4,404	4,900	5,824
Thực phẩm và đồ uống	0.0%	1,957	1,766	2,106
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.1%	1,155	1,255	1,586
Công nghệ Thông tin	-0.1%	729	864	1,288
Truyền thông	-0.3%	23	29	48
Xây dựng và Vật liệu	-0.3%	1,897	1,614	2,114
Tài nguyên Cơ bản	-0.4%	1,688	1,787	2,669
Dịch vụ tài chính	-0.5%	6,949	5,386	5,948
Hóa chất	-0.7%	409	490	585
Ô tô và phụ tùng	-0.9%	212	239	532
Ngân hàng	-1.0%	7,071	7,466	8,771
Bảo hiểm	-1.2%	37	32	48
Dầu khí	-1.9%	323	348	584

Nguồn: FiinProX, Yuanta Việt Nam

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Sàn HSX

Mã	%	Mua Ròng	Mã	%	Bán Ròng
GEX	1.10%	264.1	SHB	0.29%	(151.0)
MWG	3.59%	260.5	VRE	3.71%	(148.9)
HPG	0.69%	179.6	MSN	0.12%	(132.0)
VCB	1.41%	130.4	VCI	0.57%	(109.5)
STB	2.39%	108.1	MBB	0.00%	(108.9)

Sàn HNX

Mã	%	Mua Ròng	Mã	%	Bán Ròng
SHS	1.14%	13.6	IDC	-1.31%	(47.6)
SLS	-1.26%	0.7	CEO	2.05%	(15.7)
MBS	0.29%	0.5	PLC	0.35%	(2.4)
NTP	-0.63%	0.1	MST	-3.12%	(1.6)
PVS	1.25%	0.1	VGS	-0.33%	(1.6)

Sàn UPCOM

Mã	%	Mua Ròng	Mã	%	Bán Ròng
VEA	0.29%	2.4	DDV	-0.36%	(17.7)
ACV	-0.12%	1.2	BVB	1.58%	(1.1)
F88	-0.36%	0.8	HBC	-0.41%	(0.8)
QNS	0.17%	0.4	AVG	-0.14%	(0.8)
CSI	-0.18%	0.2	ABB	-0.34%	(0.3)

Giao dịch khối ngoại theo nhóm ngành

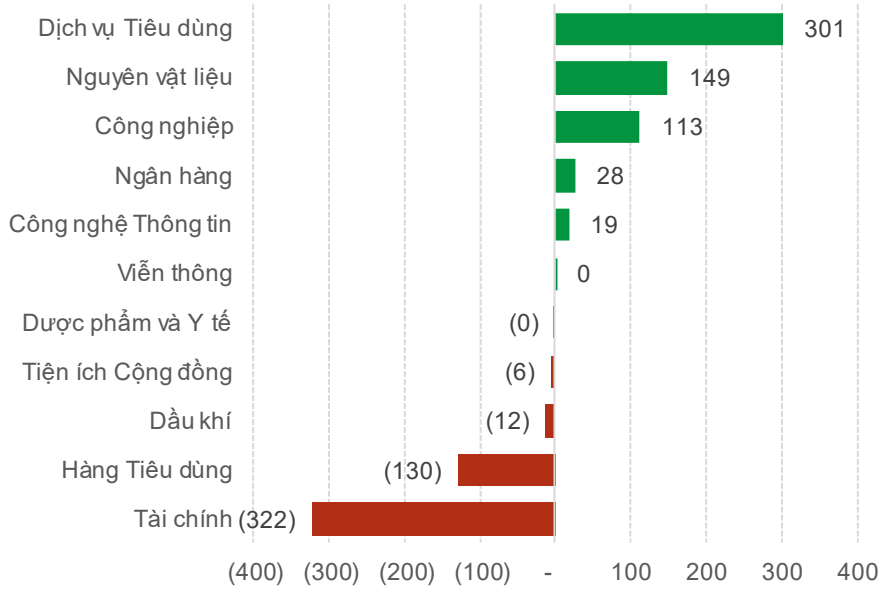

Giao dịch khối ngoại ròng trong 1 tháng gần nhất

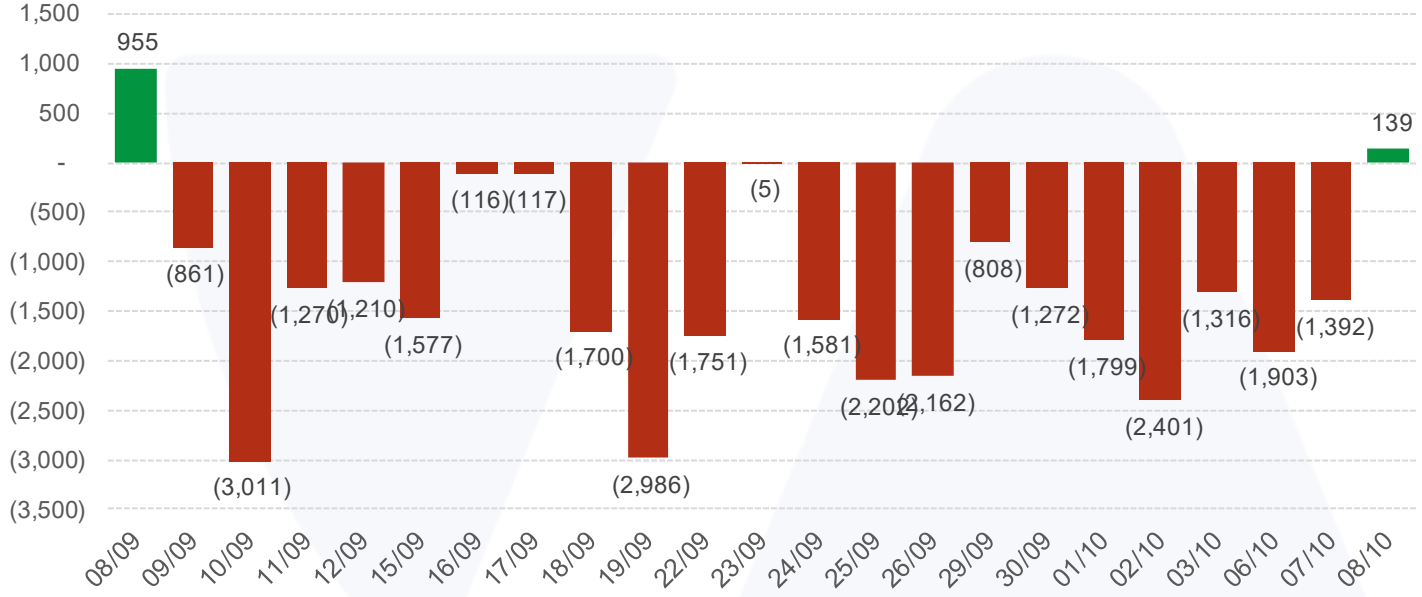

Đơn vị: Tỷ đồng

Nguồn: FiinProX, Yuanta Việt Nam

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Top tự doanh mua bán ròng tại 3 sàn

Sàn HSX

Mã	Đóng cửa	Thay đổi	Mua Ròng	Mã	Đóng cửa	Thay đổi	Bán Ròng
VDP	51,000	4.51%	166.2	VHM	107,500	4.27%	(148.2)
MSN	82,600	0.12%	55.3	MWG	80,800	3.59%	(130.5)
SHB	17,300	0.29%	27.9	GEX	55,200	1.10%	(87.5)
VPB	31,100	0.16%	21.2	GEE	125,700	6.98%	(83.3)
FPT	94,500	-1.05%	9.6	HPG	29,200	0.69%	(73.2)

Sàn HNX

Mã	Đóng cửa	Thay đổi	Mua Ròng	Mã	Đóng cửa	Thay đổi	Bán Ròng
MBS	35,000	0.29%	5.3				-
SHS	26,600	1.14%	2.1				-
PVS	32,400	1.25%	0.1				-
IDC	37,600	-1.31%	0.1				-
			-				-

Sàn UPCOM

Mã	Đóng cửa	Thay đổi	Mua Ròng	Mã	Đóng cửa	Thay đổi	Bán Ròng
			-				-
			-				-
			-				-
			-				-
			-				-

Đơn vị: Tỷ đồng

Giao dịch tự doanh ròng trong 1 tháng gần nhất

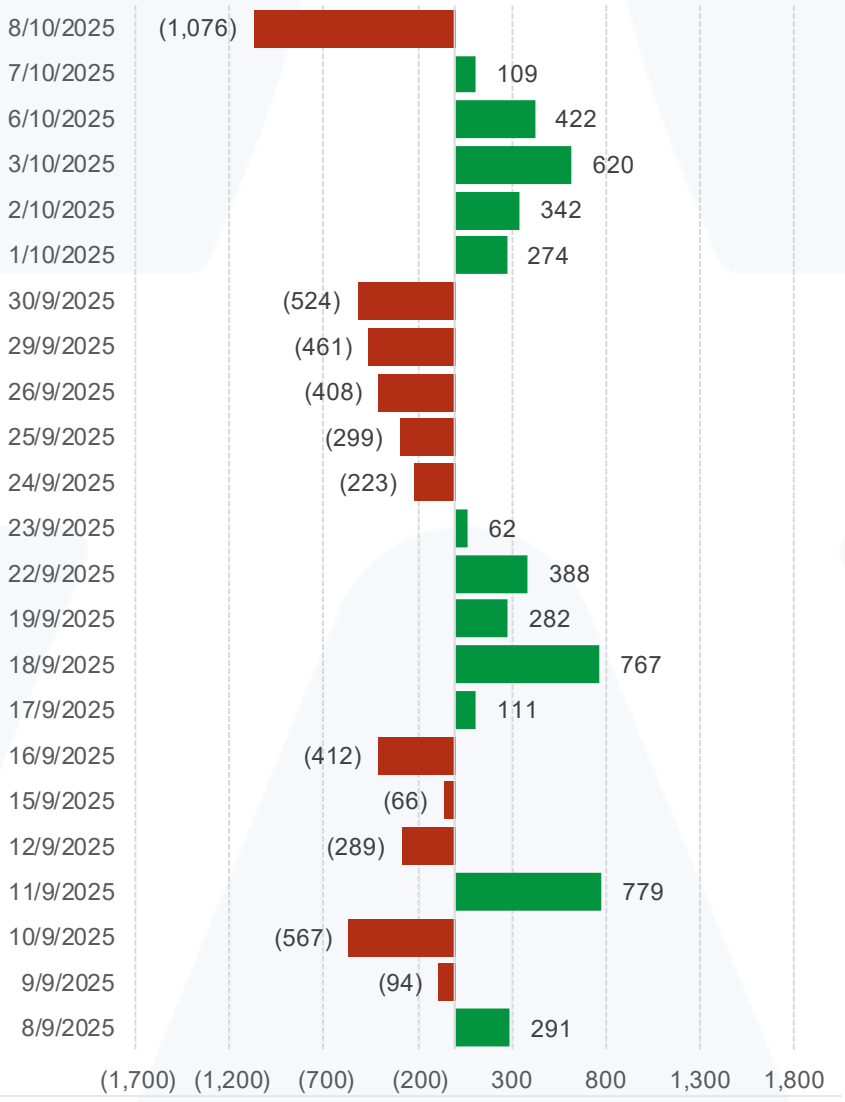

Nguồn: FiinProX, Yuanta Việt Nam

Liên hệ

Phòng Nghiên cứu và Phân tích - Khối Khách hàng cá nhân

+84 28 3622 6868 ext 3826

research.re@yuanta.com.vn

Global Disclaimer

- © 2020 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.
- This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.
- Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or and any form or manner, without the express written consent of Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited.